TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2025/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 04 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963;

2. Bị đơn: Bà Phương Thị T, sinh năm 1967;

Cùng trú tại: TDP A, phường P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1988. Địa chỉ: ngách C, nhà số A, đường M, quận N, thành phố Hà Nội;

- Anh Mai Trọng T1, sinh năm 1985. Trú tại: TDP A, phường P, tỉnh Hưng Yên;

- Cháu Mai Hương G, sinh ngày 07/02/2013. Trú tại: TDP A, phường P, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện hợp pháp của cháu G là anh Mai Trọng T1, là bố đẻ.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Phương Thị T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H và bà Phương Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: ông H và bà T có 02 con chung là anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991 (đã chết) đều đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn H và bà Phương Thị T theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 19 tháng 8 năm 2025 trước khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Đối với Thửa đất số 278 + 280, tờ bản đồ số 23, tại tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên tự nguyện thỏa thuận phân chia bằng văn bản nên nay cùng thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Thứ hai: Đối với thửa Dược Mạ, diện tích 5,7 miếng đã được nhận tiền bồi thường, đã tự nguyện phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Thứ ba: Đối với thửa đất số 395, tờ bản đồ số 18, tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên, diện tích đất đo đạc thực tế là 369,7m^2, ông H và bà T tự nguyện thỏa thuận thống nhất: Chia diện tích đất nêu trên làm 03 phần, mỗi phần tương ứng với diện tích đất là 123,2m^2, trong đó: bà T được toàn quyền sử dụng 01 phần diện tích đất, tương ứng diện tích là 123,2m^2, ông H được toàn quyền sử dụng 02 phần diện tích đất, tương ứng với diện tích là 246,2m^2 (vì trong đó có 01 phần làm nhà thờ). Vị trí, tứ cận thửa đất, thể hiện tại sơ đồ kèm theo.

Thứ tư: Đối với ruộng được phân chia theo tiêu chuẩn của các thành viên trong gia đình, tự nguyện thỏa thuận phân chia như sau:

- Phân chia và giao cho anh Mai Trọng T1 và cháu Mai Hương G (là chồng và con của chị T2, đã chết) thửa ruộng xứ đồng Hạ Kiều, thể hiện tại thửa số 74 (7), tờ bản đồ số 06, diện tích 1,93 sào, tương ứng diện tích là 695m^2;
- Phân chia và giao cho anh Nguyễn Đức H1 thửa xứ Đồng Bãi, diện tích 1,65 sào, tương ứng diện tích là 597m^2, thuộc thửa 185 (11), tờ bản đồ số 11.
- Đối với thửa đất ở xứ đồng Thượng Kiều, diện tích là 2,45 sào, tương ứng diện tích là 882m^2, thuộc thửa 45 (6), tờ bản đồ số 06: Bà T và ông H mỗi người được sử dụng ½ diện tích đất, tương ứng với diện tích đất là 441m^2.

Thứ năm: Đối với diện tích đất nông nghiệp bà T và ông H nhận chuyển nhượng thì tự nguyện thỏa thuận phân chia như sau:

- Phân chia và giao cho ông H sử dụng thửa đất thuộc xứ đồng Dạng Xoan (hay còn gọi là Ao Gáo), thể hiện tại thửa số 36 (10), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ số 142), diện tích đất là 612m^2 .
- Phân chia và giao cho bà T sử dụng thửa đất thuộc xứ đồng Bãi, thể hiện tại thửa số 191 (4), tờ bản đồ số 1 (nay là tờ số 139), diện tích đất là 637m^2.
- Đối với Thửa đất thuộc xứ Đ, thể hiện tại thửa đất số 176 (5), tờ bản đồ số 01, (nay là tờ bản đồ số 139), có diện tích đất là 748m^2: Bà T và ông H, mỗi người được sử dụng ½ diện tích đất là 374m^2.

Tất cả các diện tích đất nêu trên đều có địa chỉ ở tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên.

(Có sơ đồ các thửa đất do các đương sự sự thỏa thuận kèm theo).

2.4. Về công nợ và những vấn đề khác: không

3. Về án phí: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Tòa số 0000312, ngày 27/12/2023 của Chi cục THADS thành phố H, nay là Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên, ông H đã nộp đủ. Hoàn trả ông H số tiền 150.000 đồng.

Về án phí chia tài sản chung: Do các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận tại phiên hòa giải nên không phải chịu án phí chia tài sản chung. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số tiền là 36.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000468, ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hưng Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-Hưng Yên;
- UBND phường Phố Hiến;
- Phòng THADS tỉnh Hưng Yên;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÀO THÚY HÀ